

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2026/DS-PT

Ngày: 15 - 9 - 2026

“Tranh chấp quyền sử dụng đất và
Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Viết Hải

Các Thẩm phán: Bà Lê Hoài Thủy và bà Hoàng Thị Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 73/2026/TLPT- DS ngày 10 tháng 8 năm 2026, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy quyết định cá biệt*”. Do có kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Công V đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2026/DS-ST ngày 30/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị. Theo định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2025/QĐ - PT ngày 28/8/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Công V, sinh năm 1937; địa chỉ cư trú: thôn V, xã C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Sỹ C, Luật sư - Văn phòng luật sư Võ Sỹ C; địa chỉ: A H, phường N, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Bị đơn: Ông Bùi Công K, sinh năm 1957; số CCCD 045057003685, cấp ngày 11/8/2021; địa chỉ cư trú: thôn A, xã C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị T, sinh 1947; địa chỉ cư trú: thôn Đ, xã C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

2. Ông Bùi Công S, sinh 1982; số CCCD 045082005613, cấp ngày 16/8/2021; địa chỉ cư trú: thôn V, xã C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

3. Bà Bùi Thị Lệ H, sinh 1975; địa chỉ cư trú: thôn Đ, xã C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

4. UBND xã C, tỉnh Quảng Trị

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Đức D - Chức vụ: Chủ tịch.

Địa chỉ: xã C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Bùi Công V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn ông Bùi Công V trình bày:

Ông V được cấp thửa đất số 81, tờ bản đồ số 17, tại thôn Đ, xã C, tỉnh Quảng Trị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) số phát hành D 478271 do UBND huyện V (nay là UBND xã C, tỉnh Quảng Trị) cấp ngày 12/04/2004 mang tên hộ ông Bùi Công V. Trước lúc cấp giấy CNQSDĐ, nhà nước có quy định tất cả mồ mả phải di dời ra khỏi đất vườn, nhà ở và chỉ tập trung tại nghĩa trang, nghĩa địa. Tuy nhiên, trong thửa đất của ông V có 04 hộ có mộ của gia đình ông K nằm trong vườn nhà ông, những người khác đã di dời các ngôi mộ về nơi quy định của nhà nước. Riêng ông K có 02 ngôi mộ của người thân mất do bom Mỹ năm 1967. Đến năm 2022, ông K đưa vào chôn trong vườn ông V thêm 02 ngôi mộ, trong đó có 01 ngôi di dời từ một ngôi mộ trong vườn ông V và 01 ngôi từ nơi khác đưa đến và xây khuôn viên bao quanh mộ nhưng khi xây ông V không biết, xây xong ông V mới biết. Trong quá trình chăm sóc phần mộ của gia đình, ông K đã chặt phá cây cối dẫn đến nhiều lần hai bên có lời qua tiếng lại làm ảnh hưởng đến gia đình ông V. Vì vậy, ông V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình ông K phải di dời 04 ngôi mộ để trả lại cho ông diện tích đất theo kết quả đo đạc thẩm định là 57,9m².

Tại Văn bản trình bày ngày 03/02/2026; đơn phản tố ngày 08/02/2026 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Bùi Công K trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông V, về việc yêu cầu ông K di dời 04 ngôi mộ để trả lại cho ông V diện tích đất 57,9 m², ông K không đồng ý. Ông K yêu cầu phản tố nội dung: Khu mộ gia đình ông K đã có từ năm 1967 trở về trước. Năm 1999, gia đình ông K xây bia mộ. Năm 2022 được sự đồng ý của vợ chồng ông V, ông Bùi Công S (con ông V) cùng vợ ông S tại nhà ông V cho gia đình ông K xây khuôn viên khu mộ và làm am thờ nên ông K tiến hành xây khuôn viên khu mộ. Quá trình xây vật liệu tập kết tại nhà ông V, diện nước ông V hỗ trợ và thanh toán. Thời điểm này được sự đồng ý của gia đình ông V, ông K di dời hai ngôi mộ khác của gia đình ông K trong vườn ông V ra chôn cất trong khu mộ sát 2 ngôi mộ trên (cụ thể chôn thêm 01 ngôi ở giữa hai ngôi mộ trước năm 1967 và 01 ngôi bên ngoài hai ngôi mộ trước năm 1967), thành khu mộ có 04 ngôi mộ. Ông K xác định trong 04 ngôi mộ tính từ trong ra ngoài theo thứ tự 1,2,3,4, có vị trí như sau: Số 01: Ngôi mộ có từ năm 1967, mộ tròn và bia được xây năm 1999; số 02: Ngôi mộ năm 2022; số 03: Ngôi mộ có từ trước năm 1967, mộ tròn và bia được xây năm 1999; số 04: Ngôi mộ 2022. Tường xây bao quanh, nền bê tông, am thờ xây năm 2022. Khi di dời mộ trong vườn ông V để quy tập vào khu mộ chung thì ông K có bồi thường tiền cây cối bị ảnh hưởng cho gia đình ông V, nhưng vì tin tưởng nên ông K không lập biên bản thỏa thuận. Theo thực tế sử dụng đất thì các ngôi mộ được chôn cất trước năm 1967, như vậy ông K mới là người sử dụng đất ổn định và lâu dài chứ không phải gia đình ông V.

Việc UBND huyện V (nay là UBND xã C, tỉnh Quảng Trị) cấp giấy CNQSDĐ số phát hành Đ 478271, vào sổ số 01122/QSDĐ/551/QĐ-UB, cấp ngày 12/04/2004 chồng lên diện tích đất mồ mả của gia đình ông K có từ trước là không phù hợp với pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông K. Vì vậy, ông K yêu cầu Tòa án hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy CNQSDĐ số phát hành Đ 478271 do UBND huyện V (nay là UBND xã C, tỉnh Quảng Trị) cấp ngày 12/4/2004 mang tên hộ ông Bùi Công V. Đồng thời công nhận diện tích đất 57,9m² có 04 ngôi mộ nêu trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã C có ý kiến: Căn cứ giấy CNQSDĐ của ông Bùi Công V được cấp ngày 23/8/1999, do UBND huyện V (cũ) cấp cho ông V với diện tích 2600m² thì không có 02 ngôi mộ của gia đình ông Bùi Công K nằm trên diện tích đất đó. Đến ngày 12/4/2004, gia đình ông Bùi Công V cấp đổi lại giấy CNQSDĐ nói trên và có phần diện tích tăng thêm là 1934m² so với giấy CNQSDĐ cũ. Do quá trình đo đạc bản đồ, đơn vị đo đạc và cán bộ thẩm định hồ sơ đã không phát hiện ra 02 ngôi mộ nằm trong phần diện tích đất tăng thêm nói trên, nên đã cấp phần diện tích tăng thêm có 02 ngôi mộ của gia đình ông K vào giấy CNQSDĐ cho ông V. Quang điểm của UBND xã thấy rằng 02 ngôi mộ của gia đình ông Bùi Công K có khoảng từ năm 1967, trong khi đó phần diện tích đất tăng thêm cấp cho gia đình ông Bùi Công V là năm 2004. Như vậy, 02 ngôi mộ có trước khi cấp diện tích tăng thêm cho gia đình ông Bùi Công V là phần diện tích đất tăng thêm khi trên đất đang có 02 ngôi mộ của gia đình ông Bùi Công K là chưa đúng. Đề nghị Tòa án xét xử nhằm đảm bảo quyền lợi của các bên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Công S trình bày: Thống nhất theo ý kiến của ông V, yêu cầu ông K di dời 04 ngôi mộ để trả lại cho hộ gia đình ông V diện tích đất theo kết quả đo đạc thẩm định là 57,9 m².

Tại Bản án dân sự số 21/2026/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Quảng Trị, Quyết định. Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 34; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 11, 163, 164 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26, Điều 135 Luật đất đai năm 2024; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Công V, về việc yêu cầu ông Bùi Công K di dời 04 ngôi mộ để trả lại cho ông diện tích đất là 57,9m² được cấp tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 17, địa chỉ thửa đất: thôn Đ, xã C, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 478271 do Ủy ban nhân dân huyện V (nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Quảng Trị) cấp ngày 12/4/2004 mang tên hộ ông Bùi Công V (Kèm theo bản đồ thửa đất lập ngày 22/6/2026).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Bùi Công K, hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (với diện tích 57,9m² là phần đất có 04 ngôi mộ của gia đình ông K) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành Đ 478271 do Ủy ban nhân dân huyện V (nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Quảng Trị) cấp ngày 12/4/2004 mang tên hộ ông Bùi Công V.

Giao cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc chỉnh lý, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành Đ 478271 mang tên hộ ông Bùi Công V theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền thi hành án, nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 09/7/2026, nguyên đơn ông Bùi Công V kháng cáo bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm. Xác định diện tích đất 57,9m² mà hộ ông Bùi Công K đang xây dựng lăng mộ thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ ông Bùi Công V theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành D 478271 do UBND huyện V cấp ngày 12/04/2004. Buộc ông Bùi Công K di dời toàn bộ mộ mả, hài cốt ra khỏi phần đất thuộc khuôn viên đã được Nhà nước cấp cho hộ gia đình ông Bùi Công V.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến, quan điểm. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ. Không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, người tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có mặt thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã C, bà Lê Thị T và chị Bùi Thị Lệ H vắng mặt lần hai không lý do, nhưng đã có ý kiến tại hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung: Qua xem xét đánh giá các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các bên đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Công V. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2026/DS-ST ngày 30/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị. Kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 09 tháng 7 năm 2026, nguyên đơn ông Bùi Công V làm đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2026/DS-ST ngày 30/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị. Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong hạn luật định, đảm bảo về người kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo và được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, kháng cáo của nguyên đơn được xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã C, bà Lê Thị T và chi Bùi Thị Lệ H vắng mặt lần hai không lý do, nhưng đã có ý kiến tại hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn ông Bùi Công K, về yêu cầu hủy Giấy CNQSDĐ số phát hành Đ 478271 do UBND huyện V (nay là UBND xã C, tỉnh Quảng Trị) cấp ngày 12/4/2004 mang tên hộ ông Bùi Công V là chưa đảm bảo đúng quy định tại Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự. Đây chỉ được coi là ý kiến, yêu cầu của ông bị đơn ông K đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông V. Vì vậy, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Công V, Hội đồng xét xử thấy:

Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 17; địa chỉ: xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị (nay là xã C, tỉnh Quảng Trị) hiện nay ông Bùi Công V đang quản lý, sử dụng. Ngày 23/8/1999, UBND huyện V, tỉnh Quảng Trị (cũ) cấp giấy CNQSDĐ, vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số 001133 QSDĐ/306/1999-QĐ-UB, thửa đất số 17, tờ bản đồ IX/1.5, diện tích 2600m² (trong đó 200m² đất ở lâu dài và 2400m² đất vườn), mang tên hộ ông Bùi Công V. Tại thời điểm cấp giấy CNQSDĐ, thửa đất ông V quản lý, sử dụng không có các ngôi mộ (UBND xã có ý kiến xác nhận). Thực hiện dự án đo đạc bản đồ địa chính chính quy tại địa phương. Quá trình thực hiện dự án bộ phận đo đạc không phát hiện các phần mộ nằm gần phần diện tích đất của ông V đã được cấp giấy CNQSDĐ, ông V cũng không có ý kiến về các phần mộ có trên đất, nên không đo đạc tách phần diện tích có các phần mộ cụ thể trên phần diện tích đất (UBND xã có ý kiến xác nhận). Sau đó, Bản đồ địa chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đến năm 2004, ông Bùi Công V có đơn đề nghị chỉnh lý tăng thêm diện tích 1934m² đất và cấp đổi giấy CNQSDĐ. Sau khi nhận hồ sơ của ông V, cơ quan có thẩm quyền dựa vào hồ sơ và Bản đồ địa chính đã được phê duyệt thấy đủ điều kiện để cấp giấy CNQSDĐ mà không tiến hành kiểm tra đầy đủ hiện trạng sử dụng đất. Ngày 14/4/2004, UBND huyện V cấp đổi Giấy CNQSDĐ số phát hành Đ 478271, thửa đất số 81, tờ bản đồ số 17, diện tích 4.534m² (trong đó diện tích tăng thêm là 1934m²); địa chỉ: xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị mang tên hộ ông Bùi Công V, trong phần diện tích đất cấp tăng thêm có một số ngôi mộ của các gia đình, trong đó có các ngôi mộ của

gia đình ông K. Quá trình sử dụng đất gia đình ông V biết trên phần diện tích mà mình đã được cấp giấy CNQSDĐ có các ngôi mộ của một số người, trong đó có các ngôi mộ của gia đình ông K có từ trước, nhưng gia đình ông V không có ý kiến, yêu cầu gì (việc này cả ông V và ông K đều thừa nhận). Ngoài ra, các bên ông V và ông K đều thừa nhận gia đình ông Bùi Công K có các ngôi mộ đã tồn tại từ năm 1967, công khai, liên tục từ trước khi gia đình ông Bùi Công V được cấp giấy CNQSDĐ lần đầu vào ngày 23/8/1999 không thuộc phần đất do ông V trực tiếp quản lý, sử dụng. Trên thực tế tại thời điểm được cấp giấy CNQSDĐ các ngôi mộ do gia đình ông K trực tiếp trong coi, chăm sóc, tôn tạo. Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, thể hiện trên phần diện tích đất đã cấp đổi giấy CNQSDĐ cho ông V có phần diện tích đất có các ngôi mộ 70,5m² và phần diện tích đất có các ngôi mộ 57,9m². Như vậy, có căn cứ xác định việc UBND huyện V, tỉnh Quảng Trị cấp đổi giấy CNQSDĐ đã không phản ánh đúng hiện trạng thực tế sử dụng đất tại thời điểm cấp đổi, dẫn đến cấp các phần diện tích có phần mộ vào diện tích đất cấp giấy CNQSDĐ mang tên hộ ông Bùi Công V (BL 120) là chưa phù hợp với quy định tại các Điều 48, 50 Luật đất đai năm 2003; các Điều 98, 100 Luật đất đai 2013; các Điều 135, 137 Luật đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật đất đai qua các thời kỳ (UBND xã C có ý kiến xác nhận. Do quá trình đo đạc bản đồ, đơn vị đo đạc và cán bộ thẩm định hồ sơ đã không phát hiện ra các ngôi mộ nằm trong phần diện tích đất tăng thêm, nên đã cấp phần diện tích tăng thêm có các ngôi mộ của gia đình ông K vào giấy CNQSDĐ cho ông V, nên việc cấp đất như vậy là chưa đúng). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Công V và chấp nhận ý kiến, yêu cầu của bị đơn ông Bùi Công K về hủy Giấy CNQSDĐ số phát hành Đ 478271 do Ủy ban nhân dân huyện V (nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Quảng Trị) cấp ngày 12/4/2004 mang tên hộ ông Bùi Công V là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự và quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Công V. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2026/DS - ST ngày 30 tháng 6 năm 2026 của TAND Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Công V không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Bùi Công V thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo kháng nghị.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, 148, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 48, 50 Luật đất đai năm 2003; các điều 98, 100 Luật đất đai năm 2013; các Điều 135, 137 Luật đất đai năm 2024; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Công V. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2026/DS - ST ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Công V, về việc yêu cầu ông Bùi Công K di dời 04 ngôi mộ để trả lại cho ông Bùi Công V, diện tích đất là 57,9m² được cấp tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 17; địa chỉ: thôn Đ, xã C, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành Đ 478271 do Ủy ban nhân dân huyện V (nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Quảng Trị) cấp ngày 12/4/2004 mang tên hộ ông Bùi Công V (Kèm theo sơ đồ bản vẽ lập ngày 22/6/2026).

3. Chấp nhận ý kiến, yêu cầu của bị đơn ông Bùi Công K. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành Đ 478271, thửa đất số 81, tờ bản đồ số 17; địa chỉ: thôn Đ, xã C, tỉnh Quảng Trị được Ủy ban nhân dân huyện V (nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Quảng Trị) cấp ngày 12/4/2004 mang tên hộ ông Bùi Công V.

Giao cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc chỉnh lý, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành Đ 478271, thửa đất số 81, tờ bản đồ số 17; địa chỉ: thôn Đ, xã C, tỉnh Quảng Trị mang tên hộ ông Bùi Công V theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn ông Bùi Công V được miễn án phí phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- TAND Tối cao;
- VKSND Tối cao;
- VKSND tỉnh QT (P9);
- TAND Khu vực 8;
- Phòng THADS Khu vực 8;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Dương Viết Hải